

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **78** /2022/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **19** tháng 12 năm 2022

SỞ TƯ PHÁP

ĐẾN Số: 10.007
Ngày: 28/12/2022
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

QUYẾT ĐỊNH

Quy định nội dung, mức chi khen thưởng cho cán bộ, giáo viên và học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định tham gia các hội thi, kỳ thi, cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân tỉnh Bình Định Khóa XIII, Kỳ họp thứ 9 quy định nội dung, mức chi khen thưởng cho cán bộ, giáo viên và học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định tham gia các hội thi, kỳ thi, cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định tại Tờ trình số 3121/TTr-SGDĐT ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc quy định nội dung, mức chi khen thưởng cho cán bộ, giáo viên và học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định tham gia các hội thi, kỳ thi, cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (kèm theo Báo cáo thẩm định số 482/BC-STP ngày 21/12/2022 của Sở Tư pháp).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định nội dung, mức chi khen thưởng cho cán bộ, giáo viên và học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định tham gia các hội thi, kỳ thi, cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức; cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và

đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

b) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức và tham gia các hội thi, kỳ thi, cuộc thi.

2. Nội dung chi, mức chi khen thưởng cho cán bộ, giáo viên và học sinh tham gia các hội thi, kỳ thi, cuộc thi

a) Khen thưởng cho học sinh đạt giải tại các kỳ thi chọn học sinh giỏi và các kỳ thi văn hóa khác, Cuộc thi Khoa học kỹ thuật, Hội khỏe Phù Đổng, Hội thi Quốc phòng-An ninh do ngành Giáo dục tổ chức được thực hiện theo quy định tại phần A của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

b) Khen thưởng cho cán bộ, giáo viên đạt giải tại các Hội thi giáo viên dạy giỏi, Hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, Hội thi giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi, Cuộc thi Thiết bị dạy học kỹ thuật số và các hội thi, cuộc thi nghiệp vụ khác; giáo viên tham gia Hội thi Quốc phòng-An ninh do ngành Giáo dục tổ chức được thực hiện theo quy định tại phần B của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

c) Khen thưởng cho giáo viên bộ môn đang trực tiếp giảng dạy có học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi; Nhóm giáo viên được phân công bồi dưỡng học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi; giáo viên trực tiếp hướng dẫn học sinh đạt giải Cuộc thi khoa học kỹ thuật; Huấn luyện viên (bao gồm cả cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham gia tập huấn, huấn luyện) có giáo viên và học sinh đạt thành tích tại các hội thi, kỳ thi, cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức được thực hiện theo quy định tại phần C của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

3. Nguyên tắc thực hiện

a) Mức thưởng đối với các hội thi, kỳ thi, cuộc thi cấp huyện và các trường THPT bằng 80% mức thưởng cấp tỉnh.

b) Mức thưởng đối với các hội thi, kỳ thi, cuộc thi cấp trường trực thuộc phòng GDĐT bằng 60% mức thưởng cấp tỉnh.

c) Mức thưởng đối với các hội thi, kỳ thi, cuộc thi cấp khu vực, quốc gia bằng 150% mức thưởng cấp tỉnh (trừ kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hoá).

d) Cán bộ, giáo viên hoặc huấn luyện viên bồi dưỡng hoặc huấn luyện có nhiều học sinh, giáo viên đạt giải trong một hội thi, kỳ thi, cuộc thi cùng một đợt thi chỉ được hưởng mức cao nhất tương ứng (trừ kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hoá).

4. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề được bố trí trong dự toán hàng năm cho ngành giáo dục, đào tạo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

5. Tổ chức thực hiện: Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định tại các đơn vị, địa

phương; thường xuyên báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định, kịp thời đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hoặc sửa đổi, bổ sung Quyết định cho phù hợp (nếu có).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Quyết định số 74/1998/QĐ-UB ngày 26/8/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định tạm thời một số chế độ ưu đãi đối với cán bộ, giáo viên, học sinh của ngành giáo dục - đào tạo Bình Định hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành;
- TT THCB;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K5, K9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang



PHỤ LỤC

Nội dung, mức chi khen thưởng cho cán bộ, giáo viên và học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định tham gia các hội thi, kỳ thi, cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức

(Ban hành kèm theo Quyết định số 78 /2022/QĐ-UBND ngày 19 /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Nội dung khen thưởng | Mức thưởng (Đồng) | Ghi chú |
|-----|---|-------------------|---------|
| 1 | 2 | 4 | 5 |
| A | KHEN THƯỞNG CHO HỌC SINH ĐẠT GIẢI CÁC HỘI THI, KỲ THI, CUỘC THI | | |
| I | Học sinh đạt giải các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh và các kỳ thi văn hóa cấp tỉnh khác | | |
| | Giải nhất | 4.000.000 | |
| | Giải nhì | 2.500.000 | |
| | Giải ba | 1.500.000 | |
| | Giải khuyến khích | 900.000 | |
| II | Học sinh đạt giải Cuộc thi KHKT cấp tỉnh | | |
| | Giải nhất | 1.000.000 | |
| | Giải nhì | 800.000 | |
| | Giải ba | 600.000 | |
| | Giải tư | 400.000 | |
| III | Học sinh đạt giải Hội khỏe Phù Đổng; Hội thi Quốc phòng - An ninh cấp tỉnh | | |
| 1 | Giải thưởng toàn đoàn | | |
| | Giải nhất | 4.000.000 | |
| | Giải nhì | 3.000.000 | |
| | Giải ba | 2.000.000 | |
| | Giải khuyến khích | 1.500.000 | |
| 2 | Giải thưởng đồng đội/đội tuyển | | |
| | Giải nhất | 3.000.000 | |
| | Giải nhì | 2.000.000 | |
| | Giải ba | 1.500.000 | |
| | Giải khuyến khích | 1.000.000 | |
| 3 | Giải thưởng cho huyện miền núi tham gia giải cấp tỉnh đạt thành tích cao nhất trong các huyện miền núi | 3.000.000 | |
| 4 | Giải đôi, toàn năng | | |
| | Giải nhất | 1.200.000 | |
| | Giải nhì | 1.000.000 | |
| | Giải ba | 800.000 | |
| 5 | Giải cá nhân/đơn | | |
| | Giải nhất | 800.000 | |

| TT | Nội dung khen thưởng | Mức thưởng (Đồng) | Ghi chú |
|------------|---|-------------------|---------|
| | Giải nhì | 500.000 | |
| | Giải ba | 400.000 | |
| IV | Học sinh đạt giải các môn văn hóa trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia | | |
| | Giải nhất | 10.000.000 | |
| | Giải nhì | 8.000.000 | |
| | Giải ba | 6.000.000 | |
| | Giải khuyến khích | 4.000.000 | |
| B | KHEN THƯỞNG CHO CÁN BỘ, GIÁO VIÊN ĐẠT GIẢI CÁC HỘI THI, KỲ THI, CUỘC THI | | |
| I | Hội thi giáo viên dạy giỏi; Hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi; Hội thi giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi và các hội thi, cuộc thi nghiệp vụ cấp tỉnh khác | | |
| | Giải nhất | 1.000.000 | |
| | Giải nhì | 800.000 | |
| | Giải ba | 600.000 | |
| | Giải khuyến khích | 400.000 | |
| II | Cuộc thi Thiết bị dạy học kỹ thuật số cấp tỉnh | | |
| | Giáo viên có sản phẩm được chọn dự thi vòng chung kết cấp Quốc gia | 1.000.000 | |
| III | Hội thi Quốc phòng - An ninh cấp tỉnh | | |
| 1 | Giải thưởng đồng đội/đội tuyển | | |
| | Giải nhất | 3.000.000 | |
| | Giải nhì | 2.000.000 | |
| | Giải ba | 1.500.000 | |
| | Giải khuyến khích (hoặc phong cách) | 1.000.000 | |
| 2 | Giải đôi, toàn năng | | |
| | Giải nhất | 1.200.000 | |
| | Giải nhì | 1.000.000 | |
| | Giải ba | 800.000 | |
| 3 | Giải cá nhân/đơn | | |
| | Giải nhất | 800.000 | |
| | Giải nhì | 500.000 | |
| | Giải ba | 400.000 | |
| C | KHEN THƯỞNG CHO GIÁO VIÊN TRỰC TIẾP GIẢNG DẠY, BỒI DƯỠNG VÀ HƯỚNG DẪN CÓ HỌC SINH ĐẠT GIẢI; HUẤN LUYỆN VIÊN CÓ GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH ĐẠT THÀNH TÍCH | | |
| I | Giáo viên bộ môn đang trực tiếp giảng dạy học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh | | |
| | Giải nhất | 1.100.000 | |

| TT | Nội dung khen thưởng | Mức thưởng (Đồng) | Ghi chú |
|------------|--|-------------------|--|
| | Giải nhì | 900.000 | |
| | Giải ba | 700.000 | |
| | Giải khuyến khích | 500.000 | |
| II | Giáo viên trực tiếp hướng dẫn học sinh đạt giải Cuộc thi KHKT cấp tỉnh | | |
| | Giải nhất | 1.000.000 | |
| | Giải nhì | 800.000 | |
| | Giải ba | 600.000 | |
| | Giải tư | 400.000 | |
| III | Nhóm giáo viên được phân công bồi dưỡng học sinh thi đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh | | |
| 1 | Đối với môn có từ 03 giải trở xuống | | |
| | Giải nhất | 4.000.000 | Được tính theo mức thưởng tương ứng với học sinh đạt giải cao nhất |
| | Giải nhì | 2.500.000 | |
| | Giải ba | 1.500.000 | |
| | Giải khuyến khích | 1.000.000 | |
| 2 | Đối với các môn đạt từ trên 03 giải | | |
| | Giải nhất | 8.000.000 | Được tính theo mức thưởng tương ứng với học sinh đạt giải cao nhất |
| | Giải nhì | 5.000.000 | |
| | Giải ba | 3.000.000 | |
| | Giải khuyến khích | 2.000.000 | |
| IV | Nhóm huấn luyện viên (bao gồm cả CB, CC, VC trực tiếp tham gia tập huấn, huấn luyện) có giáo viên và học sinh đạt thành tích tại các hội thi HKPD và GDQP-AN cấp tỉnh | | |
| 1 | Nhóm huấn luyện viên có học sinh và giáo viên đạt thành tích toàn Đoàn | | |
| | Giải nhất | 4.000.000 | |
| | Giải nhì | 3.000.000 | |
| | Giải ba | 2.000.000 | |
| | Giải khuyến khích (hoặc giải phong cách) | 1.500.000 | |
| 2 | Nhóm huấn luyện viên có học sinh và giáo viên đạt giải đồng đội/đội tuyển | | |
| | Giải nhất | 3.000.000 | |
| | Giải nhì | 2.000.000 | |
| | Giải ba | 1.500.000 | |
| | Giải khuyến khích | 1.000.000 | |
| 3 | Nhóm huấn luyện viên có học sinh và giáo viên đạt giải đôi, toàn năng | | |
| | Giải nhất | 1.200.000 | |
| | Giải nhì | 1.000.000 | |
| | Giải ba | 800.000 | |

| TT | Nội dung khen thưởng | Mức thưởng (Đồng) | Ghi chú |
|--------------------------------------|---|-------------------|--|
| 4 | Nhóm huấn luyện viên có học sinh và giáo viên đạt giải cá nhân/đơn | | |
| | Giải nhất | 800.000 | |
| | Giải nhì | 500.000 | |
| | Giải ba | 400.000 | |
| V | Nhóm giáo viên được phân công bồi dưỡng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia | | |
| | 1 Các môn đạt từ 03 giải trở xuống | | |
| | Giải nhất | 10.000.000 | Được tính theo mức thưởng tương ứng với học sinh đạt giải cao nhất |
| | Giải nhì | 8.000.000 | |
| | Giải ba | 6.000.000 | |
| Giải khuyến khích | 4.000.000 | | |
| 2 Các môn đạt từ trên 03 giải | | | |
| | Giải nhất | 20.000.000 | Được tính theo mức thưởng tương ứng với học sinh đạt giải cao nhất |
| | Giải nhì | 16.000.000 | |
| | Giải ba | 12.000.000 | |
| | Giải khuyến khích | 8.000.000 | |
| VI | Giáo viên bộ môn đang trực tiếp giảng dạy học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia | | |
| | Giải nhất | 5.000.000 | |
| | Giải nhì | 4.000.000 | |
| | Giải ba | 3.000.000 | |
| | Giải khuyến khích | 2.000.000 | |